# BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH XÃ VĨNH THÔNG

**454 446 - 8 TỜ SỐ 67**

**T. Thái Nguyên** - Xã Vĩnh Thông

| | | |
|---|---|---|
| | 65 | 66 |
| | 67 | 68 |
| | | |

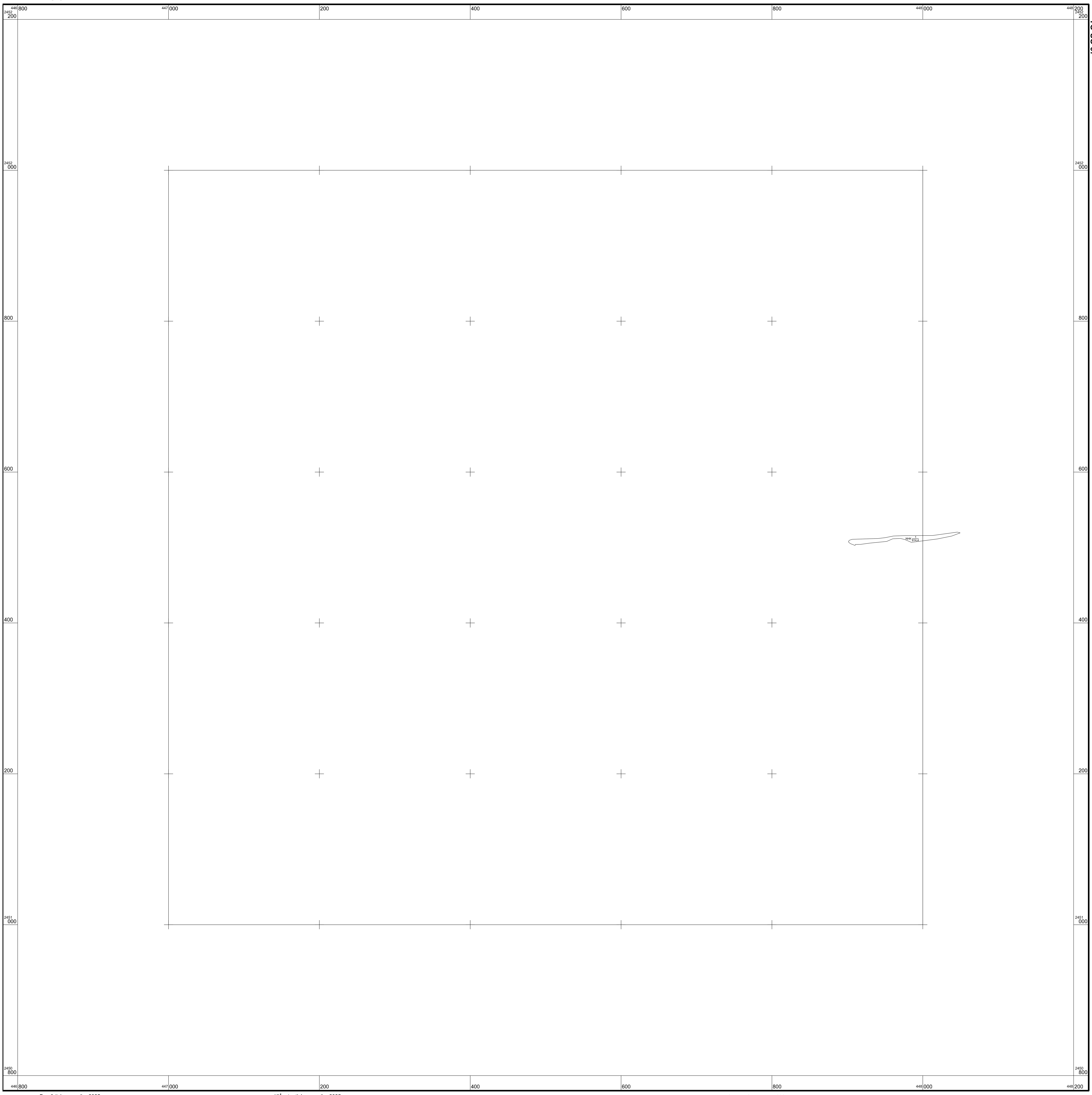


Đo vẽ tháng .... năm 2025
Đơn vị đo đạc: Công ty Cổ phần khảo sát thiết kế và đo đạc bản đồ VN
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Kiểm tra tháng .... năm 2025
Đơn vị kiểm tra: Trung tâm Dữ liệu và thông tin đất đai
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

**TỶ LỆ 1:2000**

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày .... tháng .... năm 2025
Xác nhận đo vẽ đúng hiện trạng
UBND Xã Vĩnh Thông
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Duyệt ngày .... tháng .... năm 2025
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu)

Tổng số thửa khi thành lập: 1

Ghi chú các thửa đất nhỏ

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Thửa số | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Diện tích | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Loại đất | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

BẢNG CÁC THỬA ĐẤT CHỈNH LÝ

| Thửa đất thêm | | | | Thửa đất bỏ | |
|---|---|---|---|---|---|
| TT | Số thứ tự thửa đất thêm | Số thứ tự gốc của thửa thêm | Số thứ tự thửa lân cận | TT | Số thứ tự thửa đất bỏ |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |